

Bản án số: 23/2025/DS- ST

Ngày: 31-3-2025

V/v: “Tranh chấp HĐ mua bán tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước
2. Bà Phạm Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 269/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST-DS ngày 25/3/2025 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Út N, sinh năm 1982; Nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1963; Nơi cư trú: ấp T, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà P có mặt, anh D và ông L vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 của ông Nguyễn Văn Út N cũng như trong suốt quá trình tố tụng anh Phan Văn D là người đại diện theo ủy quyền của ông N trình bày:

Từ năm 2016 ông N có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi vịt và cung cấp con giống cho vợ chồng bà P, hai bên thoả thuận khi nào vợ chồng bà P bán vịt sẽ

thanh toán tiền (thời gian bán vịt từ 45 ngày đến 50 ngày). Đến năm 2018 thì vợ chồng bà P không thanh toán tiền như thoả thuận, số nợ tăng cao nên ông N ngừng cung cấp thức ăn. Ngày 30/9/2018 ông N tổng kết nợ và xác định vợ chồng bà P còn nợ lại ông N số tiền là 184.560.000 đồng, bà P có đại diện ký tên. Từ khi thống nhất nợ đến nay vợ chồng bà P chưa đưa ra được P án thanh toán nợ. Do đó, ông N yêu cầu bà P và ông L liên đới trả cho ông N số tiền thức ăn và con giống còn thiếu là 184.560.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị P trình bày như sau:

Từ năm 2016 đến năm 2018 bà có thoả thuận mua thức ăn chăn nuôi vịt và vịt con của ông Nguyễn Văn Út N để phát triển kinh tế gia đình, hai bên thoả thuận khi nào vịt xuất chuồng thì sẽ thanh toán tiền nhưng vợ chồng bà nuôi bị bị thua lỗ nên không thể thanh toán tiền cho ông N theo thoả thuận. Đến năm 2018 do chăn nuôi không có lời nên bà ngưng lấy thức ăn của ông Út N, nên bà và ông Út N đã đối chiếu nợ và xác định vợ chồng bà còn nợ ông Út N số tiền 184.560.000 đồng. Bà và ông L đồng ý liên đới trả cho ông Út N số tiền thức ăn và con giống còn thiếu là 184.560.000 đồng, không tính lãi.

Ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý, thời hạn xét xử đúng quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 96, Điều 97, Điều 101, Điều 195, Điều 196, Điều 197 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với ông L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 430, và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể:

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Út N số tiền thức ăn và con giống còn thiếu là 184.560.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2024 của ông Nguyễn Văn Út N thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Xác định ông Nguyễn Văn Út N là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị P là bị đơn và ông Nguyễn Văn L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Bà Nguyễn Thị P có nơi cư trú tại xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho ông L đến để tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng anh D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D và ông L là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Anh Phan Văn D cầu bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L liên đới trả số tiền thức ăn còn thiếu, bà P đồng ý, do đó Hội đồng xét xử xác định đây là sự việc có thật theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu của ông N là có căn cứ để chấp nhận.

Xét về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26, khoản 1 Điều 27 và khoản 1 Điều 30 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà P thừa nhận bà và ông L là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn, sống chung nhà, bà và ông L cùng chăn nuôi vịt. Do đó, việc chăn nuôi vịt của vợ chồng bà P nhằm phục vụ kinh tế chung và nhu cầu thiết yếu của gia đình và ông L cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông N nên yêu cầu của ông N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn L liên đới cùng Nguyễn Thị P trả số tiền mua thức ăn và con giống còn thiếu là có căn cứ để chấp nhận.

Về tiền lãi: Do ông Nguyễn Văn Út N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu trả dần của bà P: Bà P cho rằng không có khả năng trả nợ ngay một lần, yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo P thức vài tháng trả một lần, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nên không có ý kiến. Xét thấy, yêu cầu này của bà P thuộc về giai đoạn thi hành án nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thỏa thuận P thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

Về án phí án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.228.000 đồng do vi phạm nghĩa vụ. Tuy nhiên, bà P và ông L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Văn Út N theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Út N, cụ thể tuyên:

Buộc bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Út N số tiền thức ăn và tiền con giống còn thiếu là 184.560.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn L được miễn toàn bộ.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Út N số tiền tạm ứng án phí là 4.614.000 đồng theo biên lai thu số 0006605 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (8b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm